

Bản án số: 78/2024/HS-ST

Ngày: 24/9/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Chính.

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/HSST ngày 10/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn Tr(tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 9 năm 1983 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 4, phường Xu, thành phố B2, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Lã Thị C; có vợ là Triệu Thị C1 và có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009); tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2024 đến 03/7/2024. Hiện nay tại ngoại. Có mặt.

2. Lã Duy Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 9 năm 1996 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 3, phường X, thành phố B1, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lã Thị M (đều đã chết); vợ Lã Thị Như L (đã ly hôn), con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2024 cho đến nay. Hiện nay đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lã Duy Thắng:** Ông Hoàng Đình T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

*** Bị hại:** 1. Ông Triệu Nguyên Tr1, sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn Kh, xã H, huyện Ch, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Ông Bàn Văn Th1, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên:** 1. Ông Đinh Văn D, sinh năm 1983; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại tổ 3, phường X, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại tổ 14, phường S, thành phố B1. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** 1. Bà Lã Thị S, sinh năm 1958; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 4, phường X, thành phố B1, tỉnh B. Có mặt.

2. Ông Hoàng Quý T2, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn Kh, xã H, huyện Ch, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Ông Bàn Hữu H, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Nông Văn Tr đã bàn bạc với Lã Duy Th để cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác theo hình thức Tr sẽ đi tìm đồi cây của người khác trong địa bàn phường X, thành phố B1 đến tuổi khai thác để bán và tìm người mua, sau đó sẽ chỉ vị trí đồi cây cho Th và cho Th số điện thoại của người mua để Th gọi điện thoại liên lạc với người mua và dẫn người mua đi xem cây rồi thỏa thuận giá bán và nhận tiền, số tiền bán được sẽ chia nhau sử dụng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 12 năm 2023, Tr tìm được một đồi cây Mỡ đến tuổi khai thác của ông Đinh Văn D có vị trí tại lô 48, khoảnh 14K344, thửa đất số 390 thuộc tổ 3, phường X, thành phố B1. Sau khi tìm được, Tr gọi điện thoại cho Th mô tả về vị trí, đường đi vào đồi cây. Ngày 04/12/2023, Tr gửi cho Th số điện thoại 0394.494.8xx của ông Triệu Nguyên Tr1 là người đang tìm mua đồi cây để Th liên lạc và nói nếu trả giá trên 30.000.000 đồng thì mới đồng ý bán. Sau khi có số điện thoại, Th gọi điện thoại cho ông Tr1 nói đồi cây là của mình muốn bán nên ông Tr1 đã hẹn đến xem cây. Ngày 05/12/2023, ông Tr1 rủ bạn là ông Hoàng Quý T2 đến gặp Th và được Th dẫn đi xem đồi cây. Ngày 06/12/2023, ông Tr1 đến nhà Th trả giá đồi cây với số tiền là 53.000.000 đồng và sẽ trả trước số tiền 45.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào tiến hành khai thác cây sẽ trả hết. Th gọi điện thoại cho Tr thông báo về việc ông Tr1 trả giá, trả tiền thì Tr nhất trí bán. Sau đó ông Tr1 và Th viết giấy mua bán cây với nhau rồi Th nhờ bác là bà Lã Thị S ở gần nhà Th ký vào giấy mua bán với tư cách là người chứng kiến, sau đó ông Tr1 đưa cho Th số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, cùng ngày Th đã đến nhà Tr giao lại cho Tr. Sau khi cầm tiền Tr đưa lại cho Th số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền trên Tr và Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Cuối tháng 12/2023, Tr tìm được một đồi cây Mỡ đến tuổi khai thác của bà Hoàng Thị N có vị trí tại thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 2 thuộc tổ 3, phường X, thành phố B1 rồi gọi điện thoại thông báo cho Th và mô tả về vị trí, đường đi vào đồi cây. Ngày 25/12/2023, Tr gửi cho Th số điện thoại 0969.549.813 của ông Bàn Văn Th1 là người đang tìm mua đồi cây để Th liên

lạc. Sau khi nhận được số điện thoại, Th gọi điện cho ông Th1 nói dối đòi cây là của mình muốn bán nên ông Th1 đã hẹn đến xem cây. Ngày 26/12/2023, ông Th rủ bạn là ông Bàn Hữu H đến gặp Th và được Th dẫn đi xem đòi cây, sau khi xem xong ông Th1 trả giá 17.000.000 đồng, sẽ trả trước 10.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào khai thác cây sẽ trả hết. Th gọi điện thoại cho Tr thông báo về việc ông Th1 trả giá, trả tiền thì Tr nhất trí bán. Sau đó Th và ông Th1 viết giấy mua bán cây với nhau. Do ông Th trả tiền bằng hình thức chuyển khoản nên Th gọi điện thoại cho Tr hỏi số tài khoản ngân hàng của Tr để ông Th1 chuyển tiền. Sau đó ông Th1 đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng số 395043813xx mang tên BAN VAN THAN đến tài khoản ngân hàng số 39506139xx mang tên NONG VAN TRONG. Sau khi nhận được tiền Tr đã rút và đưa cho Th 1.000.000 đồng, số còn lại Tr đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Ngày 28/01/2024, Tr gọi điện thoại cho Th bảo liên hệ với ông Th1 để yêu cầu chuyển thêm số tiền 2.000.000 đồng thì Th đồng ý, sau đó Th gọi điện thoại yêu cầu ông Th1 chuyển thêm số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản của Trọng như lần trước thì ông Th1 nhất trí. Sau khi nhận được số tiền 2.000.000 đồng, Tr đã rút và đưa cho Th 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Tr sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Tháng 3 năm 2024, ông Triệu Nguyên Tr1 và ông Bàn Văn Th1 nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu Th mở đường đi để tiến hành khai thác cây nhưng Th không thực hiện và cắt liên lạc nên đã tìm hiểu và biết việc đòi cây đã mua không phải là tài sản của Th nên đã làm đơn trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Như vậy, tổng số tiền Nông Văn Tr và Lã Duy Th đã chiếm đoạt ông Triệu Nguyên Tr1 và ông Bàn Văn Th1 là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSTPBK ngày 09/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nông Văn Tr và Lã Duy Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn Tr và Lã Duy Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn Tr 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lã Duy Th từ 24 đến 30 tháng tù **nhưng** cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 **đến 60** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Xu, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam Lã Duy Th nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong, các bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) SIM số 0962.836.6xx bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus.

Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn Tr phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Lã Duy Th

* Người bào chữa cho bị cáo Lã Duy Th thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Lã Duy Th. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình bị cáo, xử phạt bị cáo với mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung và tiền án phí cho bị cáo.

* Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, **người bào chữa** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành

vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Trong tháng 12/2023, Nông Văn Tr và Lã Duy Th đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin rao bán đồi cây không thuộc quyền sở hữu của mình cho ông Triệu Nguyên Tr1 và ông Bàn Văn Th1. Do tin tưởng nên cho ông Trường đã mua và trả số tiền 45.000.000 đồng, ông Thần đã mua và trả số tiền 12.000.000 đồng. Tổng số tiền Nông Văn Tr và Lã Duy Th chiếm đoạt được là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án, được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nông Văn Tr sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm giản đơn, tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo thấy bị cáo Nông Văn Tr là người thực hành tích cực, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; các bị cáo phạm tội 02 lần tuy nhiên các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định, riêng bị cáo Lã Duy Th là hộ nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nông Văn Tr đã bồi thường cho ông Triệu Nguyên Tr1 số tiền 41.000.000 đồng và ông Bàn Văn Th1 số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo Lã Duy Th đã bồi thường cho ông Triệu Nguyên Tr1 số tiền 4.000.000 đồng và ông Bàn Văn Th1 số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị hại vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn D, bà Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền các bị cáo chiếm đoạt được do các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo Lã Duy Th sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bán nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (mật khẩu màn hình 666666) màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng có số IMEI 353302071971074, bên trong gắn SIM số 0962.836.6xx. Là tài sản của bị cáo Nông Văn Tr sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại, còn chiếc xác sim do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với bà Lã Thị S là người được Lã Duy Th nhờ ký vào giấy mua bán cây giũa Th và ông Tr1 với tư cách là người chứng kiến. Tuy nhiên, bà S không biết, không được hưởng lợi gì từ việc Th và Trọng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Tr1 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

* Về án phí: Bị cáo Nông Văn Tr phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lã Duy Th là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nông Văn Trọng và Lã Duy Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Văn Tr 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lã Duy Th 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam Lã Duy Th nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (mặt khâu màn hình 666666) màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng có số IMEI 353302071971074.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) SIM số 0962.836.6xx bên trong điện thoại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn Tr phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lã Duy Th.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- UBND phường Xuất Hóa, tp Bắc Kan;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương